

Phụ lục I
NỘI DUNG VÀ MỨC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Xây dựng lưới địa chính				
1	Chọn điểm, đục mốc, chôn mốc, xây tường vây, lập ghi chú điểm				
	- Chọn điểm, vị trí so với thiết kế, tầm thông suốt tới các điểm liên quan, thông hướng khi đo:				
	+ Theo đồ giải trên bản đồ	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
	+ Thực địa	Điểm	20	5	Phiếu YKKT
	- Biên bản thỏa thuận sử dụng đất để xây dựng điểm địa chính/thông báo về việc xây dựng điểm địa chính trên đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất được giao quản lý	Biên bản	100	50	Phiếu YKKT
	- Đục mốc: Chất lượng và quy cách	Mốc	100	5	Phiếu YKKT
	- Chôn mốc, xây tường vây: kiểm tra quy cách chôn, quy cách gắn mốc, quy cách xây tường vây	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Giấy ghi chú điểm và các tài liệu liên quan:				
	+ Nội dung, hình thức ghi chú điểm và biên bản bàn giao mốc	Mốc	100	30	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra ngoài thực địa	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Biên bản bàn giao mốc	Biên bản	100	50	Phiếu YKKT
2	Đo ngắm				
	- Tài liệu kiểm định máy và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Sơ đồ, đồ hình đo nối, tuyến đo so với thiết kế	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ nhật ký trạm đo, sổ đo và các tài liệu liên quan	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Đo kiểm tra thực địa	Điểm	5	2	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Kết quả tính toán khái lược và đánh giá độ chính xác kết quả đo	Điểm	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Tính toán, bình sai				
	- Sơ đồ tính toán, bình sai, tệp tin số liệu và kết quả bình sai	Điểm	100	100	Phiếu YKKT
	- Sai số khép tọa độ	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
	- Sai số khép độ cao	Đường	100	30	Phiếu YKKT
	- Tài liệu tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác, bảng thành quả, các loại tài liệu liên quan	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
4	Tính đồng bộ, hợp lý				
	- Kiểm tra tính đồng bộ, hợp lý, lôgic của các tài liệu, thành quả	Điểm	100	100	Phiếu YKKT
II	Đo đạc lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc, đo bằng công nghệ GNSS				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ				
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tỷ lệ đo vẽ bản đồ so với thiết kế	Mảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)				
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích, tổng hợp diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp các loại	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
III	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính				
1	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phạm vi khu vực rộng				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ (nếu có)				
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Phiếu YKKT
	- Căn cứ pháp lý để thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Bổ sung sổ mục kê	Sổ	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
2	Đo đạc chính lý đơn lẻ				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ (nếu có)				
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Phiếu YKKT
	- Căn cứ pháp lý để thực hiện đo đạc chính lý bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu	Thửa	100	50	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Thửa	100	50	Phiếu YKKT
	- Phiếu đo đạc chính lý thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra nội nghiệp				
	+ Thửa đất chỉ thay đổi tên chủ, địa chỉ, loại đất	Thửa	100	50	Phiếu YKKT
	- Bổ sung sổ mục kê	Thửa	100	50	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
IV	Trích đo địa chính				
1	Trích đo địa chính thửa đất				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ đo các loại	Sổ	100	100	Phiếu YKKT
	- Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	100	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Hình thể, kích thước, loại đất thửa đất ngoài thực địa	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Bản số, bản vẽ trên giấy	Bản vẽ	100	100	Phiếu YKKT
2	Trích đo địa chính cụm các thửa đất (khu đất)				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ				
	+ Sơ đồ lưới	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích, tổng hợp diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp các loại	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
3	Trường hợp trích đo địa chính thửa đất phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	UBND cấp xã tự tổ chức thực hiện kiểm tra			
V	Số hóa bản đồ địa chính				
	- Quét, nắn bản đồ địa chính	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Số hóa nội dung bản đồ địa chính	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Đối chiếu, so sánh diện tích giữa bản đồ số và bản đồ tài liệu	Mảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
VI	Chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính từ HN-72 sang hệ tọa độ VN-2000				
	- Xác định tọa độ nắn chuyển	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Nắn chuyển bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Đối chiếu diện tích, biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
VII	Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường				
1	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp				
	- Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc				
	+ Theo đồ giải trên bản đồ	Km/điểm	100	30	Phiếu YKKT
	+ Thực địa	Km/điểm	20	5	Phiếu YKKT
	- Đúc mốc: Chất lượng và quy cách	Mốc	100	5	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Chôn mốc: kiểm tra quy cách chôn, quy cách gắn mốc	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Sơ đồ vị trí mốc ranh giới:				
	+ Nội dung, hình thức sơ đồ vị trí mốc ranh giới	Mốc	100	30	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra ngoài thực địa	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê tọa độ các điểm mốc ranh giới, điểm đặc trưng	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thừa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản xác nhận đường ranh giới sử dụng đất	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên bản về các trường hợp tranh chấp chưa giải quyết xong (nếu có)	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bảng kê diện tích đất của công ty nông, lâm nghiệp lập theo mẫu quy định	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
2	Đo tọa độ, độ cao mốc ranh giới				
	- Tài liệu kiểm định máy mốc thiết bị	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Sơ đồ, đồ hình đo nối so với thiết kế	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ đo và các tài liệu liên quan	Quyển	100	20	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Đo kiểm tra thực địa	Điểm	5	2	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Kết quả tính toán khái lược và đánh giá độ chính xác kết quả đo	Điểm	100	20	Phiếu YKKT
3	Tính toán, bình sai				
	- Tài liệu tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác, bảng thành quả, các loại tài liệu liên quan	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
4	Bản đồ ranh giới sử dụng đất				
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
5	Tính đồng bộ, hợp lý				
	- Kiểm tra tính đồng bộ, hợp lý, lôgic của các tài liệu, thành quả	Điểm	100	100	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
VIII	Sổ mục kê đất đai				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày, ký hiệu loại đất, mã đối tượng sử dụng, quản lý đất	Quyển	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính	Thửa	50	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất	Thửa	50	20	Phiếu YKKT
IX	Sổ địa chính				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày	Thửa	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đầy đủ của thửa đất, chủ sử dụng vào sổ	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với sổ mục kê đất đai	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với đơn đăng ký, cấp GCN, danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, bản sao GCN	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với hồ sơ đăng ký biến động, bản lưu GCN và bản đồ địa chính đã chỉnh lý (trong quá trình quản lý biến động)	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
X	Sổ cấp giấy chứng nhận				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày	Quyển	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với bản sao GCN	Giấy	100	20	Phiếu YKKT
XI	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách viết GCN	GCN	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính, đơn đăng ký cấp GCN đã được duyệt, danh sách, quyết định cấp GCN (nếu có)	GCN	100	20	Phiếu YKKT
XII	Kết quả thống kê đất đai				
	- Kiểm tra báo cáo kết quả thống kê đất đai	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra bản đồ kiểm kê đất đai	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra bộ biểu số liệu thống kê đất đai	Biểu	100	20	Phiếu YKKT
XIII	Kết quả kiểm kê đất đai				
	- Kiểm tra báo cáo kết quả kiểm kê đất đai	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra báo cáo thuyết minh bản đồ hiện	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	trạng sử dụng đất				
	- Kiểm tra bản đồ kiểm kê đất đai	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa tại cấp xã: Tính chính xác của việc xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng, quản lý và việc khoanh vẽ trên bản đồ kiểm kê đất đai	Mảnh	50	10	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra bộ biểu số liệu kết quả kiểm kê đất đai	Biểu	100	20	Phiếu YKKT
XIV	Cơ sở dữ liệu địa chính do địa phương tổ chức xây dựng				
1	Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu, dữ liệu				
	- Các tài liệu, dữ liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, dữ liệu; đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu, dữ liệu; tổng hợp các thửa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Dữ liệu không gian đất đai nền				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian đất đai nền	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian đất đai nền	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
3	Dữ liệu không gian địa chính				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày các đối tượng không gian địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
4	Dữ liệu thuộc tính địa chính				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Chuẩn hóa thông tin dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Tính thống nhất dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra sổ địa chính điện tử	Thửa	100	10	Phiếu YKKT
5	Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của giấy tờ pháp lý hồ sơ quét dạng số	Hồ sơ	100	10	Phiếu YKKT
	- Hồ sơ quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Hồ sơ	100	10	Phiếu YKKT
	- Liên kết bộ hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL địa chính	Hồ sơ	100	10	Phiếu YKKT
6	Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu địa chính				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu địa chính	Xã	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu, ký số vào sổ địa chính điện tử	Xã	100	20	Phiếu YKKT
7	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
	- Kiểm tra đối soát thông tin thửa đất, ký số vào sổ địa chính điện tử	Thửa	100	10	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Xã	100	20	Phiếu YKKT
8	Kiểm tra chuyển đổi cơ sở dữ liệu địa chính (áp dụng khi thực hiện chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính đã xây dựng trước ngày 01/8/2024)				
	- Kiểm tra mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu	Mô hình	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu sau khi chuyển đổi	Thửa	100	10	Phiếu YKKT
XV	Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do địa phương tổ chức xây dựng				
1	Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Dữ liệu không gian kiểm kê đất đai				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian kiểm kê đất đai	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày các đối tượng không gian kiểm kê đất đai	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
3	Dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
4	Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra danh mục tra cứu bộ tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai dạng số trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	10	Phiếu YKKT
5	Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
6	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
XVI	Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do địa phương tổ chức xây dựng				
1	Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	Dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
3	Dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
4	Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dạng số trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	10	Phiếu YKKT
5	Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
6	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
XVII	Cơ sở dữ liệu giá đất do địa phương tổ chức xây dựng				
1	Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Dữ liệu không gian giá đất				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian giá đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian giá đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
3	Dữ liệu thuộc tính giá đất				
	Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu giá đất theo bảng giá đất; giá đất cụ thể; giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giá đất chuyên nhượng trên thị trường; dữ liệu về vùng giá trị, dữ liệu về thửa đất chuẩn, vị trí đất theo bảng giá đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
4	Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về giá đất				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu giá đất dạng số trong cơ sở dữ liệu giá đất	Bộ CSDL	100	10	Phiếu YKKT
5	Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu giá đất				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu giá đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
6	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
XVIII	Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất do địa phương tổ chức xây dựng				
1	Thu thập các tài liệu, dữ liệu				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Các tài liệu, dữ liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
2	Dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
3	Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
4	Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất dạng số trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	10	Phiếu YKKT
5	Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
6	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
XIX	Kế hoạch sử dụng đất thành phố				
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 05 năm trước, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước				
	- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Các bản đồ chuyên đề				
3	Xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Các bản đồ chuyên đề	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ chuyên đề kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Báo cáo kế hoạch sử dụng đất				
	Báo cáo thuyết minh	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	Hệ thống bản đồ kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
XX	Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất thành phố	Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng; kiểm tra tra nghiệm thu như mục XIX			
XXI	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã				
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu và các nguồn lực tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã				
	- Bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước				
	- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề theo quy định	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất				
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
5	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch				
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
6	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
7	Kế hoạch sử dụng đất 05 năm trong quy hoạch sử dụng đất cấp xã				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã				
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
8	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã				
	- Báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất 05 năm của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất 05 năm của quy hoạch sử dụng đất cấp xã				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bản đồ quy hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
XXII	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng; kiểm tra, nghiệm thu như mục XXI			
XXIII	Kế hoạch sử dụng đất cấp xã đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã				
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp; xử lý các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường, biến đổi khí hậu và nguồn lực tác động đến việc sử dụng đất của cấp xã				
	Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 05 năm, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước				
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp xã				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã; bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất cấp xã				
	- Báo cáo và báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bản đồ kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
XXIV	Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã	Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu như Mục XXIII			
XXV	Xây dựng bảng giá đất (theo khu vực, vị trí)				
1	Xác định loại đất, khu vực, vị trí tại đơn vị hành chính cấp xã				
	- Kết quả xác định loại đất	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định khu vực	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định vị trí đất	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
2	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại cấp xã				
	- Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất tại thành phố và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Bảng tổng hợp giá đất thành phố	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Kết quả xây dựng bảng giá đất				
	- Bảng giá đất	Bảng giá	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
XXVI	Điều chỉnh bảng giá đất				
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại cấp xã.				
	- Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất.	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất.	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành thành phố				
	+ Bảng tổng hợp giá đất	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	+ Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	+ Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Xây dựng bảng giá đất điều chỉnh				
	- Bảng giá đất điều chỉnh của một loại đất, một số loại đất hoặc tất cả các loại đất; điều chỉnh	Bảng giá	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	giá đất tại một vị trí đất, một số vị trí đất hoặc tất cả các vị trí đất				
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất điều chỉnh	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
XXVII	Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai thành phố				
1	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa				
	- Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập				
	- Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa				
	- Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra	Tập biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa.	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Điều tra, lấy mẫu đất				
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Việc khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra tại thực địa	Khoanh đất trên bản đồ điều tra thực địa	50	5	Phiếu YKKT
	+ Vị trí điểm điều tra phẫu diện tại thực địa	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	+ Ảnh mặt cắt, ảnh cảnh quan khu vực điều tra phẫu diện đất	Ảnh	30	5	Phiếu YKKT
	+ Thông tin mô tả phẫu diện đất và thông tin về khoanh đất điều tra	Bản mô tả	30	5	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đất điều tra; vị trí điểm điều tra phẫu diện				
	- Kết quả điều tra phẫu diện đất				
	+ Bản mô tả phẫu diện đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	+ Mẫu đất, tiêu bản đất	Tiêu bản đất	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)	Bảng	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kết quả điều tra thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, lấy mẫu đất tại thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
5	Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp				
	- Kết quả thống kê danh sách phẫu diện điều tra và mẫu đất	Tập biểu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu	Phiếu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá chất lượng đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá tiềm năng đất đai cho các loại đất hiện trạng và định hướng sử dụng đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
6	Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai				
	- Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ chất lượng đất và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi	Lớp thông tin trên bản	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		đồ chất lượng đất			
	- Bản đồ tiềm năng đất đai và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Bộ dữ liệu	100	20	Phiếu YKKT
7	Phân tích, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất				
	- Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá chất lượng đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả phân tích, đánh giá xu thế biến đổi chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ điều tra trước	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
8	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai				
	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
XXVIII	Điều tra thoái hóa đất thành phố				
1	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa				
	- Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả khảo sát sơ bộ tại thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập				
	- Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả thống kê số lượng khoan đất và đặc trưng của khoan đất điều tra	Tập biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Điều tra thực địa phục vụ đánh giá thoái hóa đất				
	- Kiểm tra thực địa				
	+ Việc khoan vùng, xác định vị trí khoan đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra tại thực địa	Khoan đất trên bản đồ điều tra thực địa	30	5	Phiếu YKKT
	+ Vị trí điểm điều tra thoái hóa đất tại thực địa	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	+ Ảnh cảnh quan khu vực, điểm điều tra	Ảnh	30	5	Phiếu YKKT
	+ Thông tin mô tả về điểm điều tra, nội dung điều tra	Bản mô tả	30	5	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoan vùng, xác định vị trí khoan đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra; xác định vị trí điểm điều tra thoái hóa tại thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra các loại hình thoái hóa	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Mẫu đất và Phiếu lấy mẫu đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)	Bảng	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kết quả điều tra thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
5	Tổng hợp xử lý thông tin tài liệu nội và ngoại nghiệp				
	- Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu	Phiếu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6	Xây dựng bản đồ thoái hóa đất				
	- Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ thoái hóa đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra trong lớp thông tin khoanh đất của bản đồ điều tra thực địa	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị suy giảm độ phì và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị xói mòn và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị mặn hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị phèn hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ thoái hóa đất và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi	Lớp thông tin trên bản đồ thoái hóa đất	100	20	Phiếu YKKT
	- Dữ liệu thoái hóa đất	Bộ dữ liệu	100	20	Phiếu YKKT
7	Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân thoái hóa đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu				

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thoái hóa đất				
	- Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định xu hướng, nguyên nhân và dự báo nguy cơ thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả đề xuất các biện pháp, giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
8	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất				
	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
XXIX	Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất thành phố				
1	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa				
	- Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập				
	- Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa				
	- Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả thống kê số lượng khoan đất và đặc trưng của khoan đất điều tra	Tập biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	Điều tra, lấy mẫu phục vụ đánh giá ô nhiễm đất				
	- Kiểm tra thực địa				
	+ Việc khoan vùng xác định và chỉnh lý ranh giới các khoan đất theo các nguồn gây ô nhiễm đất, tác nhân gây ô nhiễm	Khoan đất trên bản đồ	30	5	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		điều tra thực địa			
	+ Vị trí điểm điều tra, lấy mẫu đất	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	+ Ảnh cảnh quan khu vực điều tra, điểm lấy mẫu đất	Ảnh	30	5	Phiếu YKKT
	+ Thông tin mô tả về điểm điều tra, nội dung điều tra	Bản mô tả	30	5	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng xác định và chỉnh lý ranh giới các khoanh đất theo các nguồn gây ô nhiễm đất, tác nhân gây ô nhiễm	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra xác định hướng lan tỏa ô nhiễm; điều tra xác định các yếu tố địa hình, địa vật có khả năng ngăn cản hoặc chặn hướng lan tỏa ô nhiễm	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Mẫu đất và phiếu lấy mẫu đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)	Bảng	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kết quả điều tra thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
5	Tổng hợp xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp				
	- Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu	Phiếu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá ô nhiễm đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
6	Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm				
	- Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ ô nhiễm đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị ô nhiễm và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		minh			
	- Kết quả khoan vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi	Lớp thông tin trên bản đồ đất bị ô nhiễm	100	20	Phiếu YKKT
	- Dữ liệu ô nhiễm đất	Bộ dữ liệu	100	20	Phiếu YKKT
7	Phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất				
	- Bảng biểu kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	Tập biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất theo loại đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp kỹ thuật, giải pháp kinh tế, xã hội trong xử lý, cải tạo và phục hồi đất bị ô nhiễm đã thực hiện (nếu có)	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo cảnh báo, dự báo nguy cơ ô nhiễm đất.	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
8	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất				
	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

Ghi chú: Phiếu ý kiến kiểm tra viết tắt là Phiếu YKKT.

Phụ lục II
CÁC MẪU VĂN BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

- Mẫu số 01: Nhật ký giám sát công trình;
- Mẫu số 02: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra;
- Mẫu số 03: Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 04: Báo cáo tổng kết kỹ thuật (của đơn vị thi công);
- Mẫu số 05: Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công (của đơn vị thi công);
- Mẫu số 06: Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 07: Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công (của đơn vị giám sát, kiểm tra);
- Mẫu số 08: Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 09: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 10: Bản tổng hợp khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 11: Công văn đề nghị quyết toán công trình (hoặc hạng mục công trình)
- Mẫu số 12: Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 13: Công văn đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- Mẫu số 14: Báo cáo sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công (của đơn vị thi công);
- Mẫu số 15: Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công (của đơn vị giám sát kiểm tra)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

NHẬT KÝ GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

Chủ đầu tư:
 Công trình:
 Địa điểm thi công:
 Đơn vị thi công:
 Đơn vị giám sát, kiểm tra:

Năm ...

NHẬT KÝ GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

Chủ đầu tư:
Công trình:
Địa điểm thi công:

1. ĐƠN VỊ THI CÔNG:

- Đội trưởng (hoặc tổ trưởng) sản xuất:
 - Cán bộ kỹ thuật:

2. ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA:

- Tổ trưởng giám sát:
 - Cán bộ giám sát khác:
 - Thời gian thi công: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...

Ngày giám sát:
 Người giám sát:
 Công đoạn giám sát:
 Thuộc địa bàn:

Nội dung giám sát (*nhân lực, máy móc, thiết bị thi công; thực hiện quy trình, quy định kỹ thuật; tiến độ thi công; việc phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công; kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công...*):

Đội trưởng (tổ trưởng) sản xuất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Tên hạng mục công việc (hoặc công đoạn) kiểm tra:

Thuộc công trình:

Họ và tên người đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra:

Chức vụ:

Đơn vị giám sát, kiểm tra:

Họ và tên người đại diện đơn vị thi công:

Chức vụ:

Đơn vị thi công:

Kiểm tra những loại tài liệu sau: (Tổng hợp từ các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, nêu rõ khối lượng công việc mà người kiểm tra đã thực hiện).

Kết quả kiểm tra:

Nhận xét:

Yêu cầu đối với đơn vị thi công:

Ý kiến của đại diện đơn vị thi công:

Biên bản lập thành 03 bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thi công, 01 (một) giao cho đơn vị giám sát, kiểm tra, 01 (một) bản giao cho chủ đầu tư.

Người được kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Mẫu số 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO TỔNG KẾT KỸ THUẬT

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)

1. Các cơ sở pháp lý để thi công công trình: (nêu các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc thi công công trình).

2. Phạm vi khu vực thi công: (nêu vắn tắt vị trí địa lý và phạm vi hành chính của khu vực thi công).

3. Đặc điểm địa hình địa vật: (nêu vắn tắt đặc điểm địa hình, địa vật của khu vực thi công có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và chất lượng sản phẩm).

4. Thời gian và đơn vị thi công: (nêu rõ thời gian bắt đầu, kết thúc và tên đơn vị thi công các hạng mục công việc).

5. Các văn bản pháp quy, tài liệu và số liệu sử dụng khi thi công:

- Nêu rõ tên và số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản pháp quy:

- Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu, số liệu sử dụng:

6. Các phương pháp và những giải pháp kỹ thuật đã áp dụng: (nêu rõ các phương pháp kỹ thuật, công nghệ đã áp dụng vào sản xuất, các trường hợp đã xử lý kỹ thuật ngoài phạm vi công trình, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... các ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong thi công cụ thể đến từng công đoạn).

7. Khối lượng công việc: (nêu rõ khối lượng công việc theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực tế thi công)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Ghi chú
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
1							
2							
3							

8. Kết luận và kiến nghị: (kết luận chung về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, những vấn đề còn tồn tại và kiến nghị xử lý, kiến nghị những vấn đề phát sinh).

Đại diện đơn vị thi công
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)

I. Tình hình thực hiện công trình:

1. Đơn vị thi công:
2. Thời gian thực hiện: Từ tháng ... năm đến tháng năm
3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công:
4. Khối lượng đã thi công:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công	
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng
1						
2						

5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công:

(Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công).

6. Tổ chức thực hiện:

II. Tình hình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị thi công:

1. Cơ sở pháp lý để kiểm tra nghiệm thu:

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình, ... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản);
- Các văn bản quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm (nêu rõ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành văn bản).

2. Thành phần kiểm tra (nêu rõ họ và tên, chức vụ các thành viên kiểm tra):

3. Nội dung và mức độ kiểm tra sản phẩm: (nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Quy định này).

4. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu cụ thể kết quả kiểm tra chất lượng, khối lượng từng hạng mục công việc của công trình).

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Về khối lượng: (nêu tên đơn vị thi công) đã hoàn thành

2. Về chất lượng: (nêu tên sản phẩm) đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Mức độ khó khăn (nếu có):
4. (Nêu tên sản phẩm) chuẩn bị giao nộp để kiểm tra, nghiệm thu đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
5. Đề nghị chủ đầu tư (nêu tên cơ quan chủ đầu tư) chấp nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

Đại diện đơn vị thi công
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

2. Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra: (nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia kiểm tra).

3. Đại diện đơn vị thi công: (nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia kiểm tra).

4. Thời gian kiểm tra

Bắt đầu: ngày tháng ... năm

Kết thúc: ngày tháng ... năm

5. Khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã kiểm tra:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Tăng, giảm	Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng		
1								
2								

6. Kết luận và kiến nghị

a. Về khối lượng đã hoàn thành: nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 5)

b. Về chất lượng: (nêu kết luận chung về chất lượng của các hạng mục công việc đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

- Chấp nhận đề tồn tại: (nếu có)

- Chất lượng sản phẩm: không đạt yêu cầu nhưng vẫn chấp nhận (nếu có)

c. Mức độ khó khăn (nếu có): (cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

d. Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế (nếu có):

- Về khối lượng phát sinh (nếu có)

- Về việc thay đổi thiết kế đã được duyệt (nếu có)

Biên bản lập thành 04 bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thi công, 03 (ba) bản lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình cấp chủ đầu tư.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
THI CÔNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng
dấu)*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
GIÁM SÁT, KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT,
KIỂM TRA

Mẫu số 07
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)

I. Cơ sở pháp lý để thực hiện:

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);
- Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);
- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

II. Thành phần giám sát, kiểm tra: (nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia giám sát, kiểm tra).

III. Thời gian giám sát, kiểm tra: từ ngày/...../.....đến ngày/...../.....

IV. Tình hình giám sát quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị giám sát, kiểm tra

V. Tình hình thực hiện công trình:

1.1. Đơn vị thi công:

1.2. Thời gian thực hiện: Từ tháng năm..... đến tháng năm

1.3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công: (Nêu cụ thể chính xác máy móc, thiết bị thi công, phần mềm sử dụng khi thi công công trình)

1.4. Khối lượng đã thi công: (Khái quát việc kiểm tra đánh giá chất lượng một phần hay toàn bộ khối lượng các hạng mục công trình thuộc kế hoạch năm)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Ghi chú
			Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt	Thực tế thi công	

1.5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công: (Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công)

1.6. Tổ chức thực hiện: (Nêu rõ chủ đầu tư giao cho đơn vị, bộ phận nào thi công những phần việc và hạng mục nào)

2. Tiến độ thực hiện: (Đánh giá tiến độ thi công có đảm bảo theo kế hoạch về tiến độ thi công và tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm của từng hạng mục công việc)

3. Quy trình thực hiện: (Đánh giá quy trình thi công có đảm bảo theo dự án, thiết kế kỹ thuật dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt của từng hạng mục công việc)

4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị thi công:

- Tình hình kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công:

(+ Đánh giá công tác kiểm tra chất lượng các hạng mục công việc của đơn vị thi công theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Thông tư này;

+ Đánh giá tính đầy đủ hợp lệ công tác kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định. Nhận xét về các thay đổi phát sinh, tồn tại do đơn vị thi công đã báo cáo.)

5. Hồ sơ nghiệm thu của đơn vị thi công:

Nhận xét và đánh giá về việc lập hồ sơ kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định Điều 12 của Quy định này)

V. Tình hình kiểm tra chất lượng, xác định khối lượng sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị giám sát, kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra và mức độ kiểm tra: (nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Quy định này).

- Khái quát tất cả các hạng mục thi công của công trình;

- Tỷ lệ % kiểm tra theo quy định.

2. Kết quả kiểm tra:

Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Tăng, giảm (+, -)	Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng		
1								
2								
3								

VI. Kết luận và kiến nghị:

1. Về khối lượng: (tên đơn vị thi công) đã hoàn thành (nêu khối lượng đơn vị thi công đã thực hiện)

2. Về chất lượng: (tên sản phẩm) đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Đánh giá chung chất lượng các sản phẩm của công trình đã kiểm tra bao gồm cả khối lượng phát sinh).

3. Về mức độ khó khăn (nếu có): (Đánh giá mức độ khó khăn thực tế so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được phê duyệt).

4. (tên sản phẩm) giao nộp đã được chuẩn bị đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đề nghị chủ đầu tư (nêu tên cơ quan chủ đầu tư) chấp nhận nghiệm thu (hoặc không chấp nhận) chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

Mẫu số 08
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Công trình: *Tên công trình hoặc hạng mục công trình*

Thuộc dự án, thiết kế KT-DT, ...: *Tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...*

I. Tình hình thực hiện công trình:

1. Đơn vị thi công:
2. Thời gian thực hiện: Từ tháng năm 20 ... đến tháng năm 20...
3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công: *(Nêu cụ thể chính xác máy móc, thiết bị thi công, phần mềm sử dụng khi thi công công trình).*
4. Khối lượng đã thi công: *(Khái quát việc đã thực hiện từng hạng mục công việc, từng năm kế hoạch và tổng thể dự án hoặc toàn bộ các hạng mục).*
5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công: *Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công.*
6. Tổ chức thực hiện: *(Nêu rõ đơn vị, bộ phận nào thi công những phần việc và hạng mục nào).*

II. Các căn cứ pháp lý để đánh giá, kiểm định

Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế KT-DT, ...;

Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công;

Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

III. Thành phần, nội dung và kết quả đánh giá, kiểm định

1. Thành phần

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Nội dung

a) Việc tuân thủ dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;

c) Việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

d) Việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức độ khó khăn sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành của đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư.

3. Kết quả đánh giá, kiểm định

a) Việc tuân thủ dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

- b) Việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;
- c) Việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư;
- d) Việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành của đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư;
- đ) Khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã đánh giá, kiểm định.

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT- DT được duyệt.		Thực tế thi công		Đánh giá, kiểm định		
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	(Nêu cụ thể tên các hạng mục công việc đã tiến hành đánh giá, kiểm định)								
2									
3									

IV. Kết luận và kiến nghị

- Về khối lượng: (nêu tên đơn vị thi công) đã hoàn thành
 - Về chất lượng: (nêu tên sản phẩm) đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
 - Mức khó khăn (nếu có).
 - (Nêu tên sản phẩm) chuẩn bị giao nộp đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Đề nghị chủ đầu tư (nêu tên cơ quan chủ đầu tư) chấp nhận nghiệm thu (hoặc không chấp nhận) chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ,
KIỂM ĐỊNH**
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,....:

Được phê duyệt theo Quyết định số/.... ngày... tháng...năm của cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan chủ đầu tư (nếu được phân cấp)

- Chủ đầu tư công trình:

- Đơn vị thi công:

- Đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có tham gia nghiệm thu):

Các bên tiến hành nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư: (nêu rõ họ tên và chức vụ)

- Đại diện đơn vị thi công: (nêu rõ họ tên và chức vụ)

- Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có tham gia nghiệm thu): (nêu rõ họ tên và chức vụ)

- Các bên lập biên bản nghiệm thu công trình như sau:

1. Công tác thi công công trình: (nêu rõ tên các công đoạn đã thi công).

2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm sau đây:

a. Các văn bản:

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công;

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

- Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công;

- Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

b. Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã đánh giá, kiểm định:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Nghiệm thu		
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	(Nêu cụ thể tên các hạng mục công việc)								
2									
3									

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

a. Về thời gian thực hiện hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình:

Bắt đầu: ngày tháng ... năm

Kết thúc: ngày tháng ... năm

b. Về khối lượng đã hoàn thành: *nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 2.b)*

c. Về chất lượng: *(nêu kết luận chung về chất lượng của các hạng mục công việc đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).*

- Chấp nhận để tồn tại: *(nếu có)*

- Chất lượng sản phẩm: không đạt yêu cầu nhưng vẫn chấp nhận *(nếu có)*

d. Sản phẩm chuẩn bị giao nộp: *(cần kết luận về mức độ đầy đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và của dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

đ. Mức độ khó khăn: *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

e. Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế *(nếu có)*:

- Về khối lượng phát sinh *(nếu có)*

- Về việc thay đổi thiết kế đã được phê duyệt *(nếu có)*

4. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu các sản phẩm với khối lượng hoàn thành nêu ở mục 2.b *(hoặc nêu cụ thể)*

- Chấp nhận mức độ khó khăn của các hạng mục công việc: *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
THI CÔNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên,
chức vụ, đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
GIÁM SÁT, KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ,
đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU
TU**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức
vụ, đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN QUYẾT
ĐỊNH ĐẦU TƯ
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

Mẫu số 10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

**BẢN TỔNG HỢP
KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

Tên công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

Các Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

Phạm vi công trình:

Đơn vị thi công:

Thời gian thi công: Từ thángnămđến tháng.... năm.....

Đơn vị giám sát, kiểm tra:

Thời gian giám sát, kiểm tra chất lượng: Từ tháng...nămđến tháng năm.....

Đơn vị đánh giá, kiểm định: Tên đơn vị thực hiện đánh giá, kiểm định công trình, sản phẩm

Thời gian đánh giá, kiểm định: Từ thángnămđến thángnăm....

Bảng tổng hợp khối lượng sản phẩm, dịch vụ công

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT- DT được duyệt	Khối lượng thi công hoàn thành				Ghi chú
				Tổng số	Năm 20...	Năm 20...	Năm...	
				KL	KL	KL	KL	

Đại diện chủ đầu tư
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 11

TÊN CƠ QUAN QUYẾT
ĐỊNH ĐẦU TƯ
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

V/v đề nghị quyết toán công trình
(hoặc hạng mục công trình)

Kính gửi: (ghi tên cơ quan quyết định đầu tư)

Công trình.... (hoặc hạng mục công trình.... thuộc công trình) của dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,...) đã được đơn vị (tên các đơn vị thi công) thi công từ tháng.....năm..... đến thángnăm đã được chủ đầu tư nghiệm thu trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng của (tên đơn vị giám sát, kiểm tra, đơn vị đánh giá, kiểm định) từ tháng năm đến tháng năm; (Tên đơn vị chủ đầu tư) đã lập Hồ sơ quyết toán theo quy định gửi kèm theo Công văn này.

Kính đề nghị (tên cơ quan quyết định đầu tư) phê duyệt quyết toán công trình (tên công trình hoặc hạng mục công trình).

Khối lượng, mức độ khó khăn như trong biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công (của công trình hoặc hạng mục công trình);
- Tổng giá trị quyết toán làđồng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN QUYẾT
ĐỊNH ĐẦU TƯ
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

**BẢN TỔNG HỢP
KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

Tên công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

Các Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán (nếu có), ...: ghi số
Quyết định, ngày tháng, cơ quan quyết định;

Phạm vi công trình: nêu rõ thuộc địa bàn xã, thành phố

Đơn vị thi công: tên đơn vị thi công công trình;

Thời gian thi công: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm

Đơn vị giám sát, kiểm tra: (tên đơn vị giám sát, kiểm tra công trình, sản phẩm);

Thời gian giám sát, kiểm tra: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm

Đơn vị đánh giá, kiểm định: (tên đơn vị đánh giá, kiểm định);

Thời gian đánh giá, kiểm định: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm

Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước triệu đồng cho các hạng mục (kê các hạng mục
đầu tư riêng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước) (nếu có);

- Ngân sách khác triệu đồng (kê các hạng mục đầu tư riêng bằng từng
nguồn vốn) (nếu có);

Nơi lưu sản phẩm tại: (ghi tên đơn vị đã lưu trữ sản phẩm theo chỉ định của cơ
quan quyết định đầu tư).

Bảng tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán sản phẩm, dịch vụ công

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Khối lượng hoàn thành						Ghi chú	
					Tổng số		Năm 20...		Năm 20...			Năm...
			KL	Giá trị	KL	Giá trị	KL	Giá trị	KL	Giá trị		

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 13

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

V/v đề nghị kiểm tra chất lượng
sản phẩm, dịch vụ công.

Kính gửi:

- Chủ đầu tư;
- Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có).

Căn cứ:

Quyết định số [số quyết định] ngày [ngày tháng năm phê duyệt] của [cấp phê duyệt quyết định] phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Đề cương và dự toán chi tiết [tên dự án];

[Văn bản giao nhiệm vụ] [hoặc hợp đồng kinh tế số ...] với [tên đơn vị thi công] về việc thực hiện thi công dự án [tên dự án];

Dự án [tên dự án], Thiết kế thi công - tổng dự toán [tên thiết kế kỹ thuật - Dự toán Dự án] hoặc Đề cương và dự toán chi tiết [tên dự án] đã được đơn vị [tên đơn vị thi công] thi công từ tháng.....năm..... đến tháng..... năm..... đảm bảo khối lượng và chất lượng sản phẩm.

[Tên đơn vị thi công] đã lập Báo cáo tổng kết kỹ thuật; Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị thi công (hồ sơ lập theo quy định gửi kèm theo công văn này).

Kính đề nghị [chủ đầu tư] kiểm tra, nghiệm thu dự án [tên dự án, dự án hoặc hạng mục dự án].

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- (Đơn vị kiểm tra);
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO SỬA CHỮA SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Kính gửi:

- Chủ đầu tư;
- Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có).

Hạng mục công việc, sản phẩm: *Tên hạng mục công việc, sản phẩm*

Thuộc Dự án/Thiết kế kỹ thuật - dự toán: *Tên Dự án hoặc Thiết kế kỹ thuật - dự toán*

Căn cứ Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công và các Phiếu ghi ý kiến kèm theo của, Đơn vị thi công báo cáo [*Chủ đầu tư*] và [*Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)*] như sau:

1. Nội dung và kết quả sửa chữa:
2. Nội dung bảo lưu (nếu có):
3. Kết luận, kiến nghị:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT,
KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BẢN XÁC NHẬN SỬA CHỮA SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Hạng mục công việc, sản phẩm: *[tên hạng mục, sản phẩm]*

Thuộc Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán: *[tên dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán]*

Căn cứ Phiếu ghi ý kiến kiểm tra và Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công của;

Căn cứ các sản phẩm giao nộp sau sửa chữa kèm theo báo cáo sửa chữa sản phẩm của đơn vị thi công;

1. [Đơn vị giám sát, kiểm tra] xác nhận [đơn vị thi công] đã sửa chữa các nội dung sau:

.....

2. Kết luận *(Chất lượng sản phẩm hạng mục, sản phẩm công việc đạt/chưa đạt yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán đã phê duyệt).*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT,
KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)